

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST
Ngày: 03 – 8 – 2020
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ: Số 18, đường THD, KĐT MĐ1, quận TL, Thành phố HN.

Người đại diện hợp pháp của ông Trịnh Ngọc K: Ông Bùi Hữu L, sinh năm 1974; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng – Chi nhánh huyện Thanh Bình, địa chỉ: Số 122, QL30, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số: 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014).

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Hữu L: Ông Dương Thọ T; chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng – Chi nhánh huyện Thanh Bình, địa chỉ: Số 122, QL30, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 263/UQ-NHN₀TB-KHKD ngày 13/7/2020).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ cư trú: Ấp TBT, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT.

Anh Dương Thọ T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng trình bày:

Ngày 15/11/2016, bà Nguyễn Thị T1 ký Hợp đồng tín dụng số 6507LAV201612732 với Ngân hàng. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay: Sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 60 tháng, phân 05 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ lãi là 06 tháng/lần.

Để đảm bảo khoản vay, chị T1 có thể chấp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BO 745229, thửa số 1009, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.441m², đất tọa lạc tại xã TH, huyện TB, cấp ngày 13/11/2013, do chị Nguyễn Thị T1 đứng tên.

Theo phân kỳ trả nợ, ngày 15/11/2017 chị T1 có trách nhiệm trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi nhưng chị T1 không trả. Hiện nay, dư nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi tạm tính đến ngày 03/8/2020 là 53.687.500 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 53.687.500 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 153.687.500 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 04/8/2020 đến khi Ngân hàng thu hết khoản nợ.

Ngân hàng sẽ trả lại tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BO 745229, thửa số 1009, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.441m², đất tọa lạc tại xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, cấp ngày 13/11/2013 sau khi chị T1 hoàn thành việc trả nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Quyết định số 886/QĐ-NHN₀-TCTL, ngày 19/6/2014 (Bản sao y).
- Quyết định số 509/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 (Bản sao y).
- Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 (Bản sao y).
- Giấy đề nghị kiểm phương án vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống; Sổ vay vốn; Sổ lưu tờ rời; Thỏa thuận phân kỳ trả nợ gốc và lãi; Bảng kê tính lãi ngày 30/11/2019 (Bản sao y);
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Bản sao y).
- Giấy ủy quyền số: 263/UQ-NHN₀TB-KHKD ngày 13/7/2020 (Bản chính).
- Bảng kê tính lãi tính đến ngày 03/8/2020 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T1 cư trú tại Ấp TBT, xã TH, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số 6507LAV201612732 ngày 15/11/2016.

Xét thấy, sau khi đạt được sự thỏa thuận, Ngân hàng và chị Nguyễn Thị T1 đã ký kết các Hợp đồng tín dụng số 6507LAV201612732. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị T1 có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng và chị T1 đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và chị T1 có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 153.687.500 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), yêu cầu tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 04/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Xét thấy, sau khi ký kết Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị T1 số 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Theo thỏa thuận, chị T1 có trách nhiệm trả lãi và gốc cho Ngân hàng theo phân 05 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ lãi là 06 tháng/lần. Tuy nhiên, chị T1 không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Như vậy, có cơ sở xác định chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị T1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Về lãi suất: Tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, giữa Ngân hàng và chị T1 có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị

T1 trả số tiền lãi trong hạn là 47.152.778 đồng và lãi quá hạn là 6.534.722 đồng, tổng cộng số tiền lãi là 53.687.500 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 04/8/2020 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho chị T1 nhưng chị T1 không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, chị T1 phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với các khoản vay theo lời trình bày của Ngân hàng.

Từ những phân tích đã nêu trên, Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 153.687.500 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/8/2020 cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Khi giao kết Hợp đồng, giữa Ngân hàng và chị T1 có thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bên được bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 299 của Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi chị T1 hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả cho chị T1 tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 302, khoản 4 Điều 313 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 299, Điều 302, khoản 4 Điều 313 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc chị Nguyễn Thị T1 trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 53.687.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 153.687.500 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Chị Nguyễn Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Chị Nguyễn Thị T1 hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả cho chị T1 tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bia BO 745229, thửa số 1009, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.441m², đất tọa lạc tại xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, cấp ngày 13/11/2013, do chị Nguyễn Thị T1 đứng tên.

Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.684.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.548.000 đồng (Ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số BH/2018/0008276 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên